

# **Công ty Cổ phần Bibica**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



# Công ty Cổ phần Bibica

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

# Công ty Cổ phần Bibica

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép phát hành số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Jung Woo Lee	Chủ tịch	
Ông Trương Phú Chiến	Phó Chủ tịch	
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên	
Ông Jeong Hoon Cho	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2015

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Cường	Trưởng ban
Ông Hur Jin Kook	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Phú Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Võ An	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Phú Chiến.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Bibica

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 60820469/17794373-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Bibica**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện mà Nhóm Công ty kiện Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Lê Thị Tuyết Mai  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1575-2013-004-1



Ngô Bửu Quốc Đạt  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2198-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>723.052.839.579</b>	<b>572.945.242.017</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>299.793.647.514</b>	<b>252.205.941.806</b>
111	1. Tiền		101.568.647.514	46.828.441.806
112	2. Các khoản tương đương tiền		198.225.000.000	205.377.500.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>131.270.322.430</b>	<b>37.228.658.632</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.618.744.826	4.897.513.746
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.348.422.396)	(2.668.855.114)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	129.000.000.000	35.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>203.668.938.971</b>	<b>193.229.435.408</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	74.451.213.128	62.416.751.048
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		192.814.313	1.352.642.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	134.963.813.678	134.905.983.845
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(5.938.902.148)	(5.445.941.685)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>83.488.669.382</b>	<b>86.737.124.976</b>
141	1. Hàng tồn kho		85.950.400.875	88.804.155.783
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.461.731.493)	(2.067.030.807)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.831.261.282</b>	<b>3.544.081.195</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.165.907.154	2.744.142.620
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		35.318.250	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	630.035.878	799.938.575
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>283.849.511.886</b>	<b>320.181.921.825</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		-	<b>32.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	32.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>239.940.885.006</b>	<b>277.750.522.035</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	235.067.195.958	271.940.016.428
222	Nguyên giá		577.719.768.533	582.389.574.437
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(342.652.572.575)	(310.449.558.009)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.873.689.048	5.810.505.607
228	Nguyên giá		8.994.486.943	8.994.486.943
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.120.797.895)	(3.183.981.336)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.104.475.920</b>	<b>1.276.066.787</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.104.475.920	1.276.066.787
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>41.804.150.960</b>	<b>41.123.333.003</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	39.151.816.871	39.794.165.473
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	2.652.334.089	1.329.167.530
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.006.902.351.465</b>	<b>893.127.163.842</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>301.304.231.873</b>	<b>251.949.790.138</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>281.964.321.466</b>	<b>240.574.058.431</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	69.029.602.713	66.425.557.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	4.469.050.877	4.768.925.813
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.889.804.167	18.130.912.856
314	4. Phải trả người lao động		9.034.070.044	8.073.859.020
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	119.970.888.667	81.718.849.444
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	57.964.809.638	57.917.665.821
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.606.095.360	3.538.288.011
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>19.339.910.407</b>	<b>11.375.731.707</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	6.118.598.517	4.800.200.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	13.221.311.890	6.575.531.707
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>705.598.119.592</b>	<b>641.177.373.704</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>705.598.119.592</b>	<b>641.177.373.704</b>
411	1. Vốn cổ phần		154.207.820.000	154.207.820.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		154.207.820.000	154.207.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302.726.583.351	302.726.583.351
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		163.508.737.432	127.110.496.383
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.154.978.809	57.132.473.970
421a	- Lũy kế đến cuối năm trước		(660.346.503)	(660.346.502)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		85.815.325.312	57.792.820.472
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.006.902.351.465</b>	<b>893.127.163.842</b>

Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập

Vũ Văn Thức  
Phụ trách Kế toán

Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng	21.1	1.178.139.117.394	1.135.366.420.594
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(6.355.864.839)	(5.954.823.864)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	1.171.783.252.555	1.129.411.596.730
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(764.731.007.924)	(737.178.059.041)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		407.052.244.631	392.233.537.689
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	13.328.829.250	8.886.415.568
22	7. Chi phí tài chính		(372.218.871)	269.327.596
25	8. Chi phí bán hàng	23	(236.787.465.453)	(236.997.263.559)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(76.838.559.693)	(71.584.351.680)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		106.382.829.864	92.807.665.614
31	11. Thu nhập khác	26	1.503.812.368	1.928.224.252
32	12. Chi phí khác	26	(2.367.978.054)	(18.640.873.468)
40	13. Lỗ khác	26	(864.165.686)	(16.712.649.216)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.518.664.178	76.095.016.398
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(21.026.505.425)	(18.834.645.562)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	1.323.166.559	532.449.636
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		85.815.325.312	57.792.820.472
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		85.815.325.312	57.792.820.472
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	5.287	3.560
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	5.287	3.560

Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập

Vũ Văn Thúc  
Phụ trách Kế toán

Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>105.518.664.178</b>	<b>76.095.016.398</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		40.305.751.557	40.362.026.936
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		8.100.669.763	(1.597.276.706)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.532.728.998)	(166.977.780)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.779.747.592)	(4.407.216.524)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>142.612.608.908</b>	<b>110.285.572.324</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(10.640.115.844)	1.024.230.157
10	Giảm hàng tồn kho		2.853.754.908	1.447.300.995
11	Tăng các khoản phải trả		44.208.299.157	34.286.327.126
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(779.415.932)	2.167.591.457
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(22.602.433.067)	(16.337.728.756)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.709.695.546)	(2.588.322.140)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>151.943.002.584</b>	<b>130.284.971.163</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.486.243.834)	(8.857.244.653)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		85.000.000.000	30.000.000.000
25	Chi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(179.104.460.000)	(50.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		119.901.000	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		10.084.069.567	8.158.683.380
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(87.386.733.267)</b>	<b>(20.698.561.273)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả	20.2	(18.504.938.400)	(9.281.433.180)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(18.504.938.400)</b>	<b>(9.281.433.180)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		46.051.330.917	100.304.976.710
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		252.205.941.806	151.707.165.726
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.536.374.791	193.799.370
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	299.793.647.514	252.205.941.806



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập



Vũ Văn Thức  
Phụ trách Kế toán




Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép phát hành số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.850 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.688).

***Cơ cấu tổ chức***

Công ty có hai (2) công ty con sở hữu 100% vốn như sau:

*Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông ("Bibica Miền Đông")*

Bibica Miền Đông là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4604000132 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 21 tháng 9 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Bibica Miền Đông là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký và nhà máy của Bibica Miền Đông được đặt tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

*Công ty Bibica Miền Bắc TNHH ("Bibica Miền Bắc")*

Bibica Miền Bắc là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 052041000044 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp ngày 25 tháng 10 năm 2007. Hoạt động đăng ký của Bibica Miền Bắc là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký của Bibica Miền Bắc được đặt tại Đường số 206, Khu B, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Bibica Miền Bắc hiện đang trong giai đoạn chờ duyệt phương án xây dựng và phát triển dự án để bắt đầu xây dựng nhà máy trong năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng các Thông tư sau:

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

*Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ do thời gian sử dụng là lâu dài.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 5 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 12 năm
Tài sản cố định khác	4 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng*

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng liên quan đến khu đất nơi nhà máy tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Khoản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong kỳ theo thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 31 tháng 8 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2049.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện số dư chưa phân bổ hết của số tiền mà Nhóm Công ty trả trước cho việc thuê đất tại khu đất nơi nhà máy của Nhóm Công ty tọa lạc tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội trong thời hạn 25 năm từ ngày 9 tháng 1 năm 2002 đến ngày 9 tháng 1 năm 2027 và khu đất nơi Bibica Miền Bắc tọa lạc tại Đường số 206, Khu B, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam trong thời hạn 45 năm từ ngày 3 tháng 4 năm 2009 đến ngày 15 tháng 1 năm 2054. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh*

Đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào các ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	344.297.231	109.702.484
Tiền gửi ngân hàng	101.224.350.283	46.718.739.322
Các khoản tương đương tiền	198.225.000.000	205.377.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>299.793.647.514</b>	<b>252.205.941.806</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các đối tượng khác:		
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON CO-OP)	5.420.146.690	6.173.399.851
- Phải thu ngắn hạn các bên khác	67.397.099.519	54.457.182.518
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.633.966.919	1.786.168.679
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>74.451.213.128</b>	<b>62.416.751.048</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.036.856.391)	(1.414.622.524)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>72.414.356.737</b>	<b>61.002.128.524</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị tổn thất và chi phí khôi phục nhà máy và dây chuyền sản xuất (*)	126.588.275.371	126.588.275.371
Phải thu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	2.579.419.161	4.031.319.161
Khác	5.796.119.146	4.286.389.313
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>134.963.813.678</b>	<b>134.905.983.845</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.902.045.757)	(4.031.319.161)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>131.061.767.921</b>	<b>130.874.664.684</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số tiền này thể hiện giá trị tổn thất, chi phí sửa chữa và khôi phục một phần nhà máy và dây chuyền sản xuất thực tế đã phát sinh trong những năm trước của Bibica Miền Đông do bị hư hại từ vụ hỏa hoạn vào ngày 15 tháng 5 năm 2011 mà Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng sẽ được bồi thường toàn bộ bởi Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí ("PVI") theo các điều khoản trong hợp đồng bảo hiểm số 10/15/15/TSKT/PC00867 được ký ngày 15 tháng 6 năm 2010 và dựa vào báo cáo thẩm định được cung cấp bởi PVI vào ngày 2 tháng 12 năm 2013 và thư đề xuất phương án xử lý giá trị bồi thường từ Luật sư của Công ty vào ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Liên quan đến số tiền này, Công ty đã gửi Công văn số 00577/BBC ngày 5 tháng 6 năm 2012 đến PVI đề nghị thanh toán cũng như đã có nhiều cuộc thảo luận với PVI, nhưng chưa đi đến thống nhất về giá trị bồi thường. Ngoài ra, Công ty cũng đã tiến hành các thủ tục và gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh ("TANDQ1") vào ngày 31 tháng 7 năm 2012. Vào ngày 7 tháng 1 năm 2016, TANDQ1 đã ban hành phán quyết mà theo đó, PVI có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty số tiền là 107.755.425.120 VND. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không đồng ý với phán quyết đó. Do vậy, vào ngày 12 tháng 1 năm 2016, Công ty đã gửi đơn kháng cáo và đã nhận được thông báo của TANDQ1 vào ngày 25 tháng 1 năm 2016 rằng hồ sơ kháng cáo của Công ty đã được chuyển lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa án") để xử phúc thẩm. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án vẫn đang trong thời gian xem xét hồ sơ để xử lý và chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, do vậy, kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện vẫn chưa được xác định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45.158.112.287	(2.097.187.343)	45.062.003.435	(1.503.414.025)
Thành phẩm	33.252.266.030	-	32.374.747.583	-
Công cụ, dụng cụ	5.729.531.757	(364.544.150)	6.571.905.942	(563.616.782)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.530.511.154	-	1.334.344.195	-
Hàng hoá	279.979.647	-	652.359.331	-
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.808.795.297	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>85.950.400.875</u></b>	<b><u>(2.461.731.493)</u></b>	<b><u>88.804.155.783</u></b>	<b><u>(2.067.030.807)</u></b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.067.030.807	2.655.871.596
Dự phòng trích lập trong năm	419.935.131	527.066.857
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(25.234.445)	(1.115.907.646)
Số cuối năm	<u>2.461.731.493</u>	<u>2.067.030.807</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và cuối năm	<u>256.080.000</u>	<u>8.738.406.943</u>	<u>8.994.486.943</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.054.550.865	2.054.550.865
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	3.183.981.336	3.183.981.336
Hao mòn trong năm	-	936.816.559	936.816.559
Số cuối năm	-	<u>4.120.797.895</u>	<u>4.120.797.895</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>256.080.000</u>	<u>5.554.425.607</u>	<u>5.810.505.607</u>
Số cuối năm	<u>256.080.000</u>	<u>4.617.609.048</u>	<u>4.873.689.048</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí liên quan đến xây dựng		
Bibica Miền Bắc	1.235.395.811	1.235.395.811
Chi phí khác	<u>869.080.109</u>	<u>40.670.976</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.104.475.920</u></b>	<b><u>1.276.066.787</u></b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.453.359.830	1.989.821.633
- Chi phí khác	<u>1.712.547.324</u>	<u>754.320.987</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.165.907.154</u></b>	<b><u>2.744.142.620</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
- Trả trước tiền thuê đất	23.858.013.172	24.565.252.136
- Chi phí đền bù, giải tỏa mặt bằng	7.599.703.727	7.839.064.474
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.357.473.218	3.235.493.321
- Công cụ, dụng cụ	3.437.609.525	3.954.685.179
- Khác	<u>899.017.229</u>	<u>199.670.363</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.151.816.871</u></b>	<b><u>39.794.165.473</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các đối tượng khác:		
- Công ty Cổ Phần Bao Bi Dược	5.104.932.184	9.363.662.660
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	63.457.429.839	54.898.741.457
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	467.240.690	2.163.153.349
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>69.029.602.713</u></b>	<b><u>66.425.557.466</u></b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước cho các đối tượng khác:		
- Sunywel America, Inc	604.474.503	-
- Tri Gateway Exports	504.086.016	504.086.016
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Bình Minh Việt	2.564.900	849.886.929
- Người mua khác trả tiền trước	2.237.430.449	3.126.277.850
Bên liên quan trả tiền trước ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	1.120.495.009	288.675.018
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.469.050.877</u></b>	<b><u>4.768.925.813</u></b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	8.466.757.095	4.495.176.849	(3.162.162.883)	9.799.771.061
Thuế thu nhập cá nhân	(798.840.736)	5.639.551.200	(5.467.843.516)	(627.133.052)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 27.1</i> )	9.663.057.922	21.026.505.425	(22.602.433.067)	8.087.130.280
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.330.974.281</u></b>	<b><u>31.161.233.474</u></b>	<b><u>(31.232.439.466)</u></b>	<b><u>17.259.768.289</u></b>
Trong đó:				
<i>Phải thu</i>	(799.938.575)			(630.035.878)
<i>Phải nộp</i>	18.130.912.856			17.889.804.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương và thưởng nhân viên	38.480.505.420	30.867.377.420
Hoa hồng bán hàng và các chi phí bán hàng liên quan khác của chương trình Tết Nguyên Đán	22.804.861.695	17.545.458.527
Hoa hồng bán hàng và các chi phí bán hàng liên quan khác của chương trình thường	21.274.718.593	19.839.253.121
Chi phí vận chuyển	8.814.429.404	6.938.089.260
Chi phí quảng cáo	4.573.057.261	2.799.733.461
Khác	24.023.316.294	3.728.937.655
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>119.970.888.667</u></b>	<b><u>81.718.849.444</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước từ PVI (*)	53.877.712.560	53.877.712.560
Thu từ thanh lý tài sản bị hư hại do hỏa hoạn phải trả PVI	2.585.740.365	2.585.740.365
Kinh phí công đoàn	866.333.098	684.425.368
Khác	635.023.615	769.787.528
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.964.809.638</u></b>	<b><u>57.917.665.821</u></b>

(\*) Đây là một phần khoản tiền bồi hoàn bảo hiểm ứng trước từ PVI (Thuyết minh số 7).

**18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác thể hiện tiền đặt cọc thuê văn phòng và mua hàng hóa từ khách hàng.

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	154.207.820.000	302.726.583.351	90.122.557.514	12.856.710.622	34.967.359.716	594.881.031.203
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	57.792.820.472	57.792.820.472
Phân phối lợi nhuận	-	-	21.887.219.476	2.244.008.771	(24.131.228.247)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.244.008.771)	(2.244.008.771)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(9.252.469.200)	(9.252.469.200)
Số cuối năm	<u>154.207.820.000</u>	<u>302.726.583.351</u>	<u>112.009.776.990</u>	<u>15.100.719.393</u>	<u>57.132.473.970</u>	<u>641.177.373.704</u>
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm ( <i>đã được trình bày trước đây</i> )	154.207.820.000	302.726.583.351	112.009.776.990	15.100.719.393	57.132.473.970	641.177.373.704
Trình bày lại ( <i>Thuyết minh số 33</i> )	-	-	15.100.719.393	(15.100.719.393)	-	-
Số đầu năm ( <i>được trình bày lại</i> )	<u>154.207.820.000</u>	<u>302.726.583.351</u>	<u>127.110.496.383</u>	-	<u>57.132.473.970</u>	<u>641.177.373.704</u>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	85.815.325.312	85.815.325.312
Cổ tức đã công bố và đã trả	-	-	-	-	(18.504.938.400)	(18.504.938.400)
Phân phối quỹ	-	-	36.398.241.049	-	(36.398.241.049)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.889.641.024)	(2.889.641.024)
Số cuối năm	<u>154.207.820.000</u>	<u>302.726.583.351</u>	<u>163.508.737.432</u>	-	<u>85.154.978.809</u>	<u>705.598.119.592</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>154.207.820.000</u>	<u>154.207.820.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	18.504.938.400	9.252.469.200
Cổ tức đã trả bằng tiền	18.504.938.400	9.281.433.180

**20.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	15.420.782	154.207.820.000	15.420.782	154.207.820.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	154.207.820.000	15.420.782	154.207.820.000

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>1.178.139.117.394</b>	<b>1.135.366.420.594</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(6.355.864.839)</b>	<b>(5.954.823.864)</b>
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(4.740.139.831)	(2.867.819.410)
Chiết khấu thương mại	(1.615.725.008)	(3.087.004.454)
<b>Doanh thu thuần</b>	<u><b>1.171.783.252.555</b></u>	<u><b>1.129.411.596.730</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU** (tiếp theo)

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	10.104.117.585	8.348.984.998
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ thực hiện trong năm	1.591.304.567	265.491.790
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	1.532.728.998	166.977.780
Lợi nhuận, cổ tức được chia	100.678.100	104.961.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.328.829.250</u></b>	<b><u>8.886.415.568</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	735.063.311.199	719.044.348.992
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.307.437.140	18.371.659.417
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	360.259.585	(237.949.368)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>764.731.007.924</u></b>	<b><u>737.178.059.041</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí chiết khấu, khuyến mãi	101.169.215.702	104.077.302.252
Chi phí nhân công	75.621.968.688	76.041.800.320
Chi phí vận chuyển	40.633.039.122	40.746.263.191
Chi phí bán hàng khác	19.363.241.941	16.131.897.796
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>236.787.465.453</u></b>	<b><u>236.997.263.559</u></b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	55.353.146.092	45.475.438.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.326.338.636	18.644.123.161
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.159.074.965	7.464.789.826
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>76.838.559.693</u></b>	<b><u>71.584.351.680</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	VND Năm trước
Nguyên liệu, vật liệu	586.310.260.479	581.427.974.067
Chi phí nhân công	203.231.239.948	200.036.577.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.247.522.044	223.933.096.136
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	40.305.751.557	40.362.026.936
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.057.094.774.028</u></b>	<b><u>1.045.759.674.280</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.503.812.368</b>	<b>1.928.224.252</b>
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	1.250.835.916	1.556.833.135
Khác	252.976.452	371.391.117
<b>Chi phí khác</b>	<b>(2.367.978.054)</b>	<b>(18.640.873.468)</b>
Phạt thuế	(2.193.967.962)	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	(129.534.997)	(72.246.784)
Xóa sổ phần giá trị tổn thất, chi phí sửa chữa và phục hồi nhà xưởng và dây chuyền sản xuất không được bồi hoàn từ bảo hiểm	-	(17.705.130.643)
Khác	(44.475.095)	(863.496.041)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>(864.165.686)</u></b>	<b><u>(16.712.649.216)</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 22% lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ:

Hoạt động đầu tư xây dựng và sản xuất bánh bông lan kem Hura của Bibica Miền Đông, Bibica Miền Đông có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm đầu hoạt động và thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Bibica Miền Đông được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2008) và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**27.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế.

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>105.518.664.178</b>	<b>76.095.016.398</b>
<b>Các khoản điều chỉnh:</b>		
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	6.645.780.183	6.575.531.707
Phạt thuế	2.193.967.962	-
Dự phòng phải thu khó đòi	1.322.626.596	-
Thủ lao Hội đồng Quản trị và chi phí không được trừ	1.036.289.912	1.535.844.033
Phân bổ tiền thuê đất	934.093.048	2.662.506.674
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	1.969.728	81.385.563
Cổ tức nhận được	(100.678.100)	(104.961.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.347.613.038)	(178.648.909)
Thu nhập đã tính thuế trong các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	(3.668.878.489)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>112.536.221.980</b>	<b>86.666.674.466</b>
Thuế TNDN hiện hành ước tính của năm hiện tại	19.292.838.582	18.764.645.562
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	1.733.666.843	70.000.000
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>21.026.505.425</b>	<b>18.834.645.562</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	9.663.057.922	7.166.141.116
Thuế TNDN đã trả trong năm	(22.602.433.067)	(16.337.728.756)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>8.087.130.280</b>	<b>9.663.057.922</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**27.2 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Trợ cấp thôi việc	2.596.486.953	1.267.273.866	1.329.213.087	1.267.273.866
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	264.525.319	-	264.525.319	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(308.282.482)	(37.562.906)	(270.719.576)	(37.562.906)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	99.604.299	99.456.570	147.729	(697.261.324)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.652.334.089</b>	<b>1.329.167.530</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>1.323.166.559</b>	<b>532.449.636</b>

**28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lotte Confectionary Co., Ltd	Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng hóa Phí nhượng quyền	25.180.891.836 -	7.295.903.057 900.905.269
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.909.607.461	2.455.236.372

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Nhóm Công ty mua, bán hàng với bên liên quan theo các điều khoản thông thường theo các hợp đồng đã được ký kết.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần tài sản bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

					VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		
			<i>Phải thu</i>	<i>Phải thu</i>		
			<i>(phải trả)</i>	<i>(phải trả)</i>		
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>						
Lotte Confectionary Co., Ltd	Cổ đông lớn	Doanh thu từ bán hàng hóa	<u>1.633.966.919</u>	<u>1.786.168.679</u>		
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>						
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Bên liên quan	Mua hàng hóa	<u>(467.240.690)</u>	<u>(2.163.153.349)</u>		
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>						
Lotte Confectionary Co., Ltd	Cổ đông lớn	Doanh thu từ bán hàng hóa	<u>(1.120.495.009)</u>	<u>(288.675.018)</u>		

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

*Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:*

			VND			
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>		
Lương và các phúc lợi khác			<u>3.753.525.148</u>	<u>4.222.480.393</u>		

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND)	85.815.325.312	57.792.820.472
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	<u>4.290.766.266</u>	<u>2.889.641.024</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND) (**)</b>	<b>81.524.559.046</b>	<b>54.903.179.448</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	<u>15.420.782</u>	<u>15.420.782</u>
Lãi trên cổ phiếu:		
- Lãi cơ bản	5.287	3.560
- Lãi suy giảm	5.287	3.560

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 dự kiến trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 001529/2015/NQĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 6 tháng 6 năm 2015.

(\*\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2014.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.326.901.218	1.172.293.559
Từ 1 năm đến 5 năm	5.737.295.472	4.689.174.236
Trên 5 năm	<u>42.176.951.948</u>	<u>43.177.732.728</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.241.148.638</u></b>	<b><u>49.039.200.523</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và mua bán các sản phẩm bánh kẹo. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	3.500.144	1.808.936
- Đồng Euro (EUR)	1.701	317
- Đồng Yên Nhật (JPY)	113.000	-
Hàng hoá nhận giữ hộ (VND)	19.509.140.630	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Số đầu năm (được phân loại lại)</i>
			VND
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	134.244.167.387	661.816.458	134.905.983.845
Tài sản ngắn hạn khác	661.816.458	(661.816.458)	-
Đầu tư ngắn hạn	39.897.513.746	(39.897.513.746)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	4.897.513.746	4.897.513.746
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	32.000.000	(32.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	32.000.000	32.000.000
Phải trả dài hạn khác	11.375.731.707	(6.575.531.707)	4.800.200.000
Dự phòng phải trả dài hạn	-	6.575.531.707	6.575.531.707
Quỹ đầu tư và phát triển	112.009.776.990	15.100.719.393	127.110.496.383
Quỹ dự phòng tài chính	15.100.719.393	(15.100.719.393)	-
	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Năm trước (được phân loại lại)</i>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>			
Doanh thu về bán hàng	1.132.668.949.292	2.697.471.302	1.135.366.420.594
Giá vốn hàng bán	(735.529.679.300)	(1.648.379.741)	(737.178.059.041)
Thu nhập khác	4.625.695.554	(2.697.471.302)	1.928.224.252
Chi phí khác	(20.289.253.209)	1.648.379.741	(18.640.873.468)
	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Năm trước (được phân loại lại)</i>
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT</b>			
(Tăng) giảm các khoản phải thu	(2.305.353.843)	3.329.584.000	1.024.230.157
Tăng các khoản phải trả	34.317.527.126	(31.200.000)	34.286.327.126
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	3.330.384.000	(3.330.384.000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.620.322.140)	32.000.000	(2.588.322.140)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Liên quan đến vụ kiện như được trình bày ở Thuyết minh số 7 của báo cáo tài chính hợp nhất này, vào ngày 7 tháng 1 năm 2016, TANDQ1 đã ban hành phán quyết số tiền mà PVI có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty là 107.755.425.120 VND. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không đồng ý với phán quyết đó. Do vậy, vào ngày 12 tháng 1 năm 2016, Công ty đã gửi đơn kháng cáo và nhận được thông báo của TANDQ1 vào ngày 25 tháng 1 năm 2016 rằng hồ sơ kháng cáo của Công ty đã được chuyển lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xử phúc thẩm. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án vẫn đang trong thời gian xem xét hồ sơ để xử lý và chưa có kết luận chính thức về vấn đề này; do vậy, kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện vẫn chưa được xác định.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 2 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận và thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 12% mệnh giá, tương đương với 1.200 VND trên cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, cổ tức chưa được chi trả cho cổ đông.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập





Vũ Văn Thức  
Phụ trách Kế toán

Trương Phú Chiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA  
ĐC: 443 Lý Thường Kiệt, Q. Tân Bình, TP. HCM  
ĐT 08 39717920 – Fax 08 39717922

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số 000908.../2016/CV-BBC  
(V/v giải trình lưu ý của kiểm toán trong  
báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2016

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (“EY Việt Nam”). Trong báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được EY Việt Nam phát hành vào ngày 24 tháng 03 năm 2016 có vấn đề lưu ý liên quan đến số tiền bồi hoàn từ Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (“PVI”). Căn cứ vào Điểm 4, Điều 10, Mục 2, Chương II thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty chúng tôi xin có ý kiến giải trình như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số tiền 126.588.275.371 VND thể hiện giá trị tổn thất, chi phí sửa chữa và khôi phục một phần nhà máy và dây chuyền sản xuất thực tế đã phát sinh trong những năm trước của Bibica Miền Đông do bị hư hại từ vụ hỏa hoạn vào ngày 15 tháng 5 năm 2011 mà Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng sẽ được bồi thường toàn bộ bởi Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí (“PVI”) theo các điều khoản trong hợp đồng bảo hiểm số 10/15/15/TSKT/PC00867 được ký ngày 15 tháng 6 năm 2010 và dựa vào báo cáo thẩm định được cung cấp bởi PVI vào ngày 2 tháng 12 năm 2013 và thư đề xuất phương án xử lý giá trị bồi thường từ Luật sư của Công ty vào ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Liên quan đến số tiền này, Công ty đã gửi Công văn số 00577/BBC ngày 5 tháng 6 năm 2012 đến PVI đề nghị thanh toán cũng như đã có nhiều cuộc thảo luận với PVI, nhưng chưa đi đến thống nhất về giá trị bồi thường. Ngoài ra, Công ty cũng đã tiến hành các thủ tục và gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh (“TANDQ1”) vào ngày 31 tháng 7 năm 2012. Vào ngày 7 tháng 1 năm 2016, TANDQ1 đã ban hành phán quyết mà theo đó, PVI có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty số tiền là 107.755.425.120 VND. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không đồng ý với phán quyết đó. Do vậy, vào ngày 12 tháng 1 năm 2016, Công ty đã gửi đơn kháng cáo và đã nhận được thông báo của TANDQ1 vào ngày 25 tháng 1 năm 2016 rằng hồ sơ kháng cáo của Công ty đã được chuyển lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“Tòa án”) để xử phúc thẩm. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án vẫn đang trong thời gian xem xét hồ sơ để xử lý và chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, do vậy, kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện vẫn chưa được xác định.

Trên đây là nội dung giải trình về lưu ý của kiểm toán tại báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Trân trọng,



*Trương Phú Chiến*

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

ĐC: 443 Lý Thường Kiệt, Q.Tân Bình, TP.HCM

ĐT 08 39717920 – Fax 08 39717922

S000910./2016/CV-BBC

(V/v giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC hợp nhất năm 2015 so với năm trước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2016

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần Bibica gửi kèm theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 bản giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 so với năm 2014 như sau:

ĐVT: VND

STT	Khoản mục	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015 tăng (giảm) so với năm 2014		Tỷ trọng trên doanh thu thuần	
				Số tiền	Tỷ lệ	2015	2014
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.171.783.252.555	1.129.411.596.730	42.371.655.825	4%	100%	100%
2	Giá vốn hàng bán	764.731.007.924	737.178.059.041	27.552.948.883	4%	65%	65%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	407.052.244.631	392.233.537.689	14.818.706.942	4%	35%	35%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	13.328.829.250	8.886.415.568	4.442.413.682	50%	1%	1%
5	Chi phí tài chính	372.218.871	(269.327.596)	641.546.467	-238%	0%	0%
6	Chi phí bán hàng	236.787.465.453	236.997.263.559	(209.798.106)	0%	20%	21%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	76.838.559.693	71.584.351.680	5.254.208.013	7%	7%	6%
8	Thu nhập khác	1.503.812.368	1.928.224.252	(424.411.884)	-22%	0%	0%
9	Chi phí khác	2.367.978.054	18.640.873.468	(16.272.895.414)	-87%	0%	2%
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.518.664.178	76.095.016.398	29.423.647.780	39%	9%	7%

STT	Khoản mục	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015 tăng (giảm) so với năm 2014		Tỷ trọng trên doanh thu thuần	
				Số tiền	Tỷ lệ	2015	2014
11	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.026.505.425	18.834.645.562	2.191.859.863	12%	2%	2%
12	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.323.166.559)	(532.449.636)	(790.716.923)	149%	0%	0%
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	85.815.325.312	57.792.820.472	28.022.504.840	48%	7%	5%

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 tăng 28.022.504.840 đồng, tương ứng tăng 48%, so với năm 2014 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 tăng 42.371.655.825 đồng so với năm 2014, điều này góp phần làm cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 14.818.706.942 đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2015 tăng 4.442.413.682 đồng so với năm 2014, tương ứng tăng 50%.

Chi phí khác năm 2015 giảm 16.272.895.414 đồng so với năm 2014, tương ứng giảm 87%.

Trên đây là giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP Bibica.

Trân trọng,

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA



*Trương Phú Chiến*

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

ĐC: 443 Lý Thường Kiệt, Q.Tân Bình, TP.HCM

ĐT 08 39717920 – Fax 08 39717922

Số 000907/2016/CV-BBC

(V/v giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2016

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần Bibica gửi kèm theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 bản giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán như sau:

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015		
		Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.176.986.528.744	1.178.139.117.394	1.152.588.650
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.199.092.681	6.355.864.839	(843.227.842)
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10	1.169.787.436.063	1.171.783.252.555	1.995.816.492
4 Giá vốn hàng bán	11	727.835.296.999	764.731.007.924	36.895.710.925
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20	441.952.139.064	407.052.244.631	(34.899.894.433)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.766.532.560	13.328.829.250	(437.703.310)
7 Chi phí tài chính	22	809.922.181	372.218.871	(437.703.310)
8 Chi phí bán hàng	25	273.118.898.297	236.787.465.453	(36.331.432.844)
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	75.515.933.097	76.838.559.693	1.322.626.596
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ( 30 = 20 + ( 21 - 22 ) + 24 - ( 25 + 26 ) )	30	106.273.918.049	106.382.829.864	108.911.815
11 Thu nhập khác	31	3.499.628.860	1.503.812.368	(1.995.816.492)
12 Chi phí khác	32	2.932.256.136	2.367.978.054	(564.278.082)
13 Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40	567.372.724	(864.165.686)	(1.431.538.410)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50	106.841.290.773	105.518.664.178	(1.322.626.595)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015		
		Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21.149.822.673	21.026.505.425	(123.317.248)
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	(1.323.166.559)	(1.323.166.559)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	85.691.468.100	85.815.325.312	123.857.212

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ sau kiểm toán tăng 1.995.816.492 đồng so với trước kiểm toán do điều chỉnh khoản thu nhập về bán thanh lý phế phẩm từ thu nhập khác sang doanh thu.
- Giá vốn hàng bán sau kiểm toán tăng 36.895.710.925 đồng so với trước kiểm toán do điều chỉnh giá trị tồn kho hàng thanh lý phế phẩm từ chi phí khác qua giá vốn hàng bán, chuyển chi phí hàng khuyến mãi từ chi phí bán hàng qua giá vốn hàng bán.
- Doanh thu hoạt động tài chính sau kiểm toán giảm 437.703.310 đồng so với trước kiểm toán, chi phí tài chính sau kiểm toán giảm 437.703.310 đồng so với trước kiểm toán do phân loại lại khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính.
- Chi phí bán hàng sau kiểm toán giảm 36.331.432.844 đồng so với trước kiểm toán do chuyển chi phí hàng khuyến mãi từ chi phí bán hàng qua giá vốn hàng bán.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp sau kiểm toán tăng 1.322.626.596 đồng so với trước kiểm toán do trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản thuế TNCN bị truy thu của CBCNV đã nghỉ việc.
- Thu nhập khác sau kiểm toán giảm 1.995.816.492 đồng so với trước kiểm toán, chi phí khác sau kiểm toán giảm 564.278.082 đồng so với trước kiểm toán do phân loại lại tài khoản hạch toán khi thanh lý hàng phế phẩm.

Trên đây là giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty CP Bibica.

Trân trọng,



CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

*Trương Phú Chiến*